

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 122/2017/HSST

Ngày 07 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phí Thị Thanh Huyền
2. Ông Nguyễn Thiện Lợi

- Thư ký phiên tòa:

Ông Lê Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 108/2017/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2017/HSST-QĐ ngày 25/7/2017, đối với bị cáo:

Trương Anh T, sinh ngày 07/4/1979; Nơi ĐKKHKT: SN 49 B, đường N, tổ 03, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: SN 112D, đường T, tổ 17, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trương Văn Q, sinh năm 1946 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1951; Vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1979 (đã ly hôn), bị cáo có một con sinh năm 2001; Tiền án: Bản án số 158/2014/HSST ngày 18/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Trương Anh T 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 18/11/2014, bị cáo đã nộp xong án phí, ngày 29/4/2016 chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03/6/1999, bị Công an thị xã Thái Bình ra quyết định khởi tố bị can

về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 29/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình ra quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Trương Anh T do chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; Bản án số 83/HSST ngày 08/11/1999 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt Trương Anh T phải thụ hình 18 tháng tù. Ngày 07/3/2000 bị cáo đã nộp xong tiền án phí; Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 2668/QĐ-UBND ngày 18/11/2009 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đưa Trương Anh T vào Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội thành phố Thái Bình thời hạn 12 tháng; Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 2562/QĐ-CT ngày 20/9/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đưa Trương Anh T vào Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội thành phố Thái Bình thời hạn 12 tháng; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/4/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1960

Nơi cư trú: SN 24, đường N, tổ 2, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Vũ Thị H, sinh năm 1951

Nơi cư trú: SN 112 D, đường T, tổ 17, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1939

Nơi cư trú: SN 10/28, đường N, tổ 02, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Trương Đức Tr, sinh năm 1977

Nơi cư trú: SN 49 B, đường N, tổ 03, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 20/4/2017, Trương Anh T đi bộ đến khu vực trước cửa nhà bà Phạm Thị Đ thì phát hiện thấy cửa ra vào nhà bà Đ mở, trong

nhà có để 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu đen bạc, biển số 17B1 – 192.59, đầu xe quay vào trong, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. T nhìn vào trong nhà bà Đ thì thấy không có người nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy nói trên. Sau đó, T liền đi vào trong nhà, quay đầu xe, dắt ra ngoài đường dùng tay phải mở khóa điện, nổ máy, ngồi lên xe đi ra đường Hùng Vương để sang Nam Định tìm nơi tiêu thụ. Đến đoạn km số 6, T dừng xe, mở cốp xe để kiểm tra thấy trong cốp xe có 01 khóa chữ U; 01 bộ quần áo mưa màu đen và 01 chiếc ví giả da bên trong ví có 400.000 đồng, T lấy số tiền trong ví và vứt chiếc ví ở đường rồi dùng cờ lê có sẵn ở trong cốp xe tháo chiếc biển số cất giấu vào trong cốp xe để tránh sự phát hiện, rồi tiếp tục đi xe sang thành phố Nam Định để bán xe nhưng không tìm được người mua nên bị cáo lại đi xe về thành phố Thái Bình. T gọi điện và gặp Trần Trung H, sinh năm 1984, ĐKKHKT: tổ 19, phường Đ, thành phố T bán chiếc xe máy trộm cắp cho H với giá 4.000.000 đồng. Số tiền bán xe và số tiền trong ví T đã dùng tiêu xài cá nhân hết.

Bà Phạm Thị Đ bị mất xe đã trình báo lên Công an thành phố Thái Bình. Ngày 21/4/2017, Trương Anh T đã cho số điện thoại của Trần Trung H để bà Vũ Thị H (mẹ đẻ bị cáo T) và anh Trương Đức Tr (anh trai bị cáo T) liên hệ và chuộc lại chiếc xe máy, mang xe về trả lại cho bà Phạm Thị Đ và nộp bồi thường cho bà Đ số tiền 400.000 đồng mà Trương Anh T lấy trong ví ở cốp xe. Bà Đ giao nộp chiếc xe trên cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình để phục vụ cho việc điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KLĐG ngày 26/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển kiểm soát 17B1 – 192.59, màu bạc đen, trị giá 20.000.000 đồng; 01 bộ quần áo mưa màu đen giá trị 50.000 đồng; 01 chiếc khóa chữ U trị giá 80.000 đồng; 01 chiếc ví da trị giá 20.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 20.150.000 đồng.

Bản cáo trạng số 117/KSĐT ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Trương Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận: ngày 20/4/2017, bị cáo có hành vi lén lút vào nhà bà Phạm Thị Đ trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu đen bạc, biển kiểm soát 17B1 – 192.59, bên trong cốp xe có 01 chiếc khóa hình chữ

U, 01 chiếc ví giả da bên trong ví có số tiền 400.000 đồng, 01 bộ quần áo mưa màu đen. Bị cáo đồng ý với kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trương Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trương Anh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 27/4/2017.

Về xử lý vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu đen bạc, biển kiểm soát 17B1 – 192.59, 01 chiếc khóa hình chữ U, 01 chiếc ví giả da bên trong ví có số tiền 400.000 đồng, 01 bộ quần áo mưa màu đen, 01 chiếc cờ lê bằng kim loại đã được trả lại cho bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 20/4/2017, Trương Anh T có hành vi lén lút vào nhà bà Phạm Thị Đ trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu đen bạc, biển kiểm soát 17B1 – 192.59, bên trong cốp xe có 01 chiếc khóa hình chữ U, 01 chiếc ví giả da bên trong ví có số tiền 400.000 đồng, 01 bộ quần áo mưa màu đen. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 20.550.000 đồng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự thì: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng; phù hợp

với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo Trương Anh T, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên, đủ khả năng nhận thức nhưng bị cáo lại ham chơi, nghiện ma túy nhiều năm nên lười lao động dẫn đến thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người bị hại mà thực hiện hành vi phạm tội vào ban ngày, thể hiện sự liều lĩnh, táo bạo, coi thường pháp luật. Bản thân là người có một tiền án và nhân thân rất xấu, vì đã hai lần bị Tòa án xử phạt bằng những bản án về các loại tội phạm khác nhau, nhiều lần bị đưa đi cai nghiện tập trung nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội với giá trị tài sản lớn là 20.550.000 đồng. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: bị cáo khai báo thành khẩn, tài sản đã được trả lại toàn bộ cho người bị hại nên bị cáo T được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý nên bị áp dụng một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu đen bạc, biển kiểm soát 17B1 – 192.59, 01 chiếc khóa hình chữ U, 01 chiếc ví giả da, 400.000 đồng tiền mặt, 01 bộ quần áo mưa màu đen, 01 chiếc cò lê đã được trả lại cho bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không đặt ra giải quyết.

Đối với Trần Trung H, sinh năm 1984, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 19, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô của T đã trộm cắp. Quá trình điều tra chưa xác định được Hùng đang cư trú ở đâu nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh và xử lý sau là đúng pháp luật

Về án phí: bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo Trương Anh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; ; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Anh T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2017.

3. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu đen bạc, biển kiểm soát 17B1 – 192.59, 01 chiếc khóa hình chữ U, 01 chiếc ví giả da, 400.000 đồng tiền mặt, 01 bộ quần áo mưa màu đen, 01 chiếc cờ lê bằng kim loại đã được trả lại cho bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo Trương Anh T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo Trương Anh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/8/2017. Người bị hại bà Phạm Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà